

NGHỊ QUYẾT

về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH**1. Kết quả**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015-2020 và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/4/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2025, định hướng đến 2035; trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và đã đạt được những kết quả quan trọng. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,15%/năm, chiếm tỷ lệ 9,5% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ. Tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất, tỷ lệ cơ giới hóa và giá trị sản xuất/ha đất canh tác tăng dần. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã; thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, hiệu quả; hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, đời sống người dân nông thôn được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người gấp 1,8 lần so với năm 2015. Năm 2020, tỉnh Hà Nam được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng chậm, chưa bền vững, nhiều chỉ tiêu không đạt mục tiêu đề ra. Các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn thông qua tập trung ruộng đất và liên kết giữa các hộ nông dân chưa nhiều; mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch chưa được nhân rộng. Tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp đến năm 2020 mới chiếm 6%

trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Việc xây dựng nhãn hiệu sản phẩm gắn với các nhóm sản phẩm chủ lực và thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) kết quả còn hạn chế.

- Hệ thống hợp tác xã chưa phát huy được vai trò tổ chức sản xuất, nhất là trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, kết quả chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Phong trào xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương có dấu hiệu chùng xuống sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, vệ sinh môi trường khu vực nông thôn còn bất cập.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, khí hậu, thời tiết, thị trường...

- Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi diễn biến phức tạp, khó lường.

- Điều kiện canh tác (*quy mô ruộng đất, hạ tầng,...*) còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ nên khó khăn trong việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

- Việc sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án, mô hình sản xuất nông nghiệp để đánh giá hiệu quả, rút kinh nghiệm, phát triển, nhân rộng chưa được chú trọng.

- Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ảnh hưởng đến quy hoạch sản xuất nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp giảm dần. Cơ chế hỗ trợ nông dân dồn đổi, tập trung ruộng đất thành vùng sản xuất lớn và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị chưa thật sự rõ ràng.

- Một bộ phận người dân còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, ngại ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

- Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt là năng lực liên kết tổ chức sản xuất và tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia

tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản. Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm đặc sản theo quy mô hàng hóa lớn, tập trung theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến, chuyển dịch dần lao động nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

- Phát huy tiềm năng và lợi thế của từng vùng, địa phương; thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác, đẩy mạnh liên kết phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Tập trung huy động các nguồn lực để xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với bảo vệ môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; xây dựng các xã, huyện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa nông thôn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh, vai trò, vị trí của tỉnh trong quy hoạch vùng Thủ đô, tạo động lực và thực hiện hiệu quả việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Thu hút các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp theo quy mô lớn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng các mối liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu nông sản, đưa sản phẩm nông nghiệp của tỉnh tham gia vào chuỗi cung ứng phục vụ các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, phục vụ thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát triển kinh tế nông thôn, khuyến khích thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại bền vững. Triển khai đồng bộ và hoàn thành các mục tiêu đặt ra trong chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với bảo tồn và phát triển làng nghề.

- Đẩy mạnh đầu tư và xã hội hóa các nguồn vốn để xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường xử lý và giải quyết ô nhiễm môi trường nông thôn. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng

nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu gắn liền với quá trình đô thị hóa.

2.2. Mục tiêu cụ thể

** Giai đoạn đến năm 2025:*

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 1,9%/năm (*giá so sánh 2010*) và chiếm 6,3% trong tổng cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Cơ cấu nội bộ ngành: chăn nuôi - thủy sản chiếm 55%, trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 35%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 10%; giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích đất canh tác đạt 150 triệu đồng/ha/năm.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đạt tỷ lệ từ 1,5% đến 2,0% tổng diện tích đất nông nghiệp. Tỷ lệ sử dụng sản phẩm phân bón hữu cơ đạt trên 25%, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đạt trên 30%.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 35%.

- Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: thu hoạch đạt 90%, gieo trồng đạt 60%, bảo quản chế biến đạt 50%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 20%; lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 55%. Phần đầu thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% (*trong đó sử dụng nước sạch từ các nhà máy cung cấp nước sạch tập trung là 90%*).

- Có 01 huyện và 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

** Định hướng đến năm 2030:*

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2026 - 2030 tăng bình quân 1,5%/năm (*giá so sánh 2010*).

- Cơ cấu nội bộ ngành: chăn nuôi - thủy sản chiếm 58%, trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 30%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 12%; giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích đất canh tác gấp 1,3 lần so với năm 2025.

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đạt tỷ lệ từ 2% đến 2,5% tổng diện tích đất nông nghiệp. Tỷ lệ sử dụng sản phẩm phân bón hữu cơ đạt trên 40%, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đạt trên 45%.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 50%

- Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: thu hoạch đạt 95%, gieo trồng đạt 70%, bảo quản chế biến đạt 60%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp /tổng lao động xã hội còn dưới 15%; lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 60%. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% (trong đó sử dụng nước sạch từ các nhà máy cung cấp nước sạch tập trung là 95%).

- Có 70% số xã và có thêm ít nhất 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc quán triệt tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, nhất là ở cấp cơ sở về quan điểm, mục tiêu thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới của tỉnh; coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và của cả hệ thống chính trị. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển nông nghiệp, các cấp, các ngành cần chủ động, linh hoạt, sáng tạo nhằm phát huy tối đa lợi thế sản xuất của từng địa phương, từng sản phẩm nông nghiệp.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trọng tâm là nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp và chất lượng nông thôn mới

- Tập trung nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, các cấp, các ngành trong phát triển nông nghiệp, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác quản lý Nhà nước trong việc thực hiện quy hoạch, sử dụng hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, hình thành các vùng sản xuất trọng điểm, chủ động phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các vi phạm về bảo vệ môi trường.

3. Xác định các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế để tập trung ưu tiên hỗ trợ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa nông sản

- Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tập trung rà soát, xác định các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao có sức cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của thị trường để tập trung ưu tiên hỗ trợ, mở rộng quy mô sản xuất theo chuỗi giá trị. Tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây thực phẩm, rau, củ, quả, cây dược liệu nhằm nâng cao giá trị sản xuất, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Đến năm 2025, ổn định diện tích đất trồng lúa là 27.000 ha, trong đó diện tích lúa chất lượng cao chiếm trên 50%, có khoảng 3.000 ha đất màu sản xuất rau, củ quả có giá trị kinh tế cao. Đến năm 2030, giữ ổn định đất lúa ít nhất 25.000 ha để đảm bảo an ninh lương thực.

- Phát triển các vùng chăn nuôi, khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung gắn với tăng cường năng lực phòng chống dịch bệnh. Chuyển đổi cơ cấu các loại vật nuôi theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi gia cầm, trâu bò thịt, chăn nuôi lợn, ổn định đàn bò sữa. Đẩy mạnh chuyển đổi từ đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản tại các vùng đã được quy hoạch, khai thác có hiệu quả các mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ sông trong ao, nuôi cá lồng trên sông, tập trung phát triển các sản phẩm thủy sản có lợi thế, giá trị kinh tế cao như cá trắm đen, cá lăng... Phân đầu năm 2025, đàn gia cầm đạt 9,1 triệu con, đàn trâu bò đạt 39 nghìn con, đàn lợn đạt 400 nghìn con, sản lượng thủy sản đạt 26,5 nghìn tấn; đến năm 2030, đàn gia cầm đạt 9,5 triệu con, đàn trâu bò đạt 42 nghìn con, đàn lợn đạt 450 nghìn con, sản lượng thủy sản đạt 28 nghìn tấn.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo chuỗi giá trị bền vững. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi và công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh xây dựng nhãn hiệu nông sản, nhất là những sản phẩm có lợi thế, tiềm năng. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Xây dựng các mối liên kết, đòn bẩy, tập trung ruộng đất để tăng cường cơ giới hóa, sản xuất quy mô lớn nhằm chuyển dịch lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

4. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất để phát triển kinh tế nông thôn; phát huy vai trò của các hợp tác xã, tổ hợp tác; khuyến khích bảo tồn, phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống

- Quan tâm, tạo điều kiện thành lập các hợp tác xã kiểu mới và tổ hợp tác hoạt động hiệu quả kinh tế cao. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mối liên kết giữa các doanh nghiệp và hợp tác xã để hình thành, phát triển các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ. Xây dựng một số mô hình trang trại điểm về sản xuất nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, sản xuất theo chuỗi gắn với du lịch trải nghiệm.

- Rà soát quy hoạch và đẩy mạnh phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích phát triển, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc sản và sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của làng nghề; chú trọng phát triển các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế hộ gia đình khu vực nông thôn theo hướng phát triển các ngành, nghề phi nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

5. Huy động các nguồn lực đầu tư nâng cấp hạ tầng nông thôn, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển đô thị

- Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa để tập trung đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống của người dân như hạ tầng giao thông, điện, nước sinh hoạt, thương mại, y tế.... Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai đáp ứng yêu cầu sản xuất, gắn với nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh phù hợp với quy hoạch và bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển đô thị.

- Tăng cường công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường nông thôn. Khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là trong chăn nuôi và các làng nghề. Tổ chức thực hiện tốt việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh để bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới bền vững.

6. Rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách; cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách cơ cấu lại lĩnh vực nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả. Quan tâm các cơ chế, chính sách ưu đãi tín dụng, tạo điều kiện cho các hợp tác xã, tổ hợp tác và người nông dân tiếp cận, vay vốn, phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. Đẩy mạnh đào tạo nghề, hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Chủ động tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, bảo quản, chế biến và cung cấp sản phẩm nông sản phục vụ các khu công nghiệp.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết, các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

3. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các kế hoạch, đề án cụ thể thực hiện Nghị quyết. Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch có liên quan; xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, tiến hành sơ kết, tổng kết để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm.

4. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết này đến toàn thể cán bộ, công chức, đảng viên và các tổ chức, đơn vị trực thuộc; cụ thể hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

5. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết đến đoàn viên,

hội viên và các tầng lớp nhân dân để nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận cao trong việc triển khai, thực hiện Nghị quyết; thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội.

6. Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ đảng./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
 - Văn phòng Trung ương,
 - Các Ban xây dựng Đảng Trung ương,
 - Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
 - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
 - Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
 - đảng ủy trực thuộc,
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- } (để báo cáo)

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lê Thị Thuý